TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA VIỄN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/ 8/ 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.
Ông Hà Xuân Ninh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đinh Thị Th, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn Thôn PL, xã G, huyện GV, tỉnh NB.

- *Bị đơn:* anh Phạm Xuân Ngh, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn Thiện Hối, xã GT, huyện GV, tỉnh NB.

Chị Th có mặt; anh Ngh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Xuân Ngh, sinh năm 1990 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GV, tỉnh NB vào ngày 16/01/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến hai vợ chồng ít trò chuyện, quan tâm tới nhau. Cả hai đã tìm cách hòa giải hàn gắn nhưng không được. Đến cuối năm 2013 chị Th đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thôn PL, xã G, huyện GV, tỉnh NB để sinh sống; từ đó cho đến nay chị Th và anh Ngh sống ly thân nhau hoàn toàn không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm

trọng không thể hòa giải hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Xuân Ngh.

Về con chung: chị Th và anh Ngh có một con chung là cháu Phạm Xuân Th, sinh ngày 10/10/2011; hiện nay cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th muốn được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Ngh, anh Ngh lên Toà án làm việc và tại bản tự khai anh Phạm Xuân Ngh trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống đúng như chị Th trình bày, anh Ngh và chị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GV, tỉnh NB vào ngày 16/01/2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, cả hai thường xuyên to tiếng cãi nhau gây mất đoàn kết trong gia đình. Đến cuối năm 2013 anh Ngh và chị Th đã sống ly thân nhau hoàn toàn, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện nay, anh Ngh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được nên anh Ngh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Ngh cũng xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Xuân Th, sinh ngày 10/10/2011. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn anh Ngh đồng ý để chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Ngh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Ngh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Phạm Xuân Ngh; anh Ngh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Th có mặt, bị đơn anh Phạm Xuân Ngh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn với bị đơn là anh Phạm Xuân Ngh có nơi cư trú tại: xã

GT, huyện GV, tỉnh NB. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Phạm Xuân Ngh. Anh Phạm Xuân Ngh vắng mặt tại các buổi làm việc và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Phạm Xuân Ngh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đinh Thị Th có mặt Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị Th và Phạm Xuân Ngh được tự do tìm hiểu, tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GV, tỉnh NB ngày 16/01/2013. Viêc kết hôn của chị Th, anh Ngh đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Đinh Thị Th và anh Phạm Xuân Ngh là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như trình bày của chị Th tại Tòa án, xác định quá trình chung sống chị Th và anh Ngh hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Thực tế chị Th và anh Ngh đã sống ly thân hoàn toàn trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được, tại bản tự khai anh Ngh đồng ý ly hôn.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đinh Thị Th và anh Phạm Xuân Ngh đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Th.

[3]. Về con chung: Qua trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ xác định chị Th và anh Ngh có 01 con chung là cháu Phạm Xuân Th, sinh ngày 10/10/2011; hiện nay, cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th muốn được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện nay, chị Đinh Thị Th là công nhân có thu nhập ổn định. Xét thấy bản thân chị Th và anh Ngh đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình và anh chị đều là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác để chăm con chung thật tốt. Tuy nhiên, xét thấy

cháu Phạm Xuân Th đã ở với chị Th từ nhỏ, hiện nay vẫn đang tiếp tục ở với chị Th; chị Th cũng chăm sóc tốt cho cháu, đảm bảo các điều kiện tốt cho cháu học tập và phát triển; bản thân cháu Thiện có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cần tiếp tục giao cho chị Đinh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Xuân Th là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị Th là người có đủ khả năng lao động và có thu nhập ổn định nên chị Th có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Trong yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Th giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng cho con; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị Th và anh Ngh đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Phạm Xuân Ngh.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Xuân Th, sinh ngày 10/10/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Xuân Ngh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đinh Thị Th.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đinh Thị Th và anh Phạm Xuân Ngh đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004177 ngày 01/6/2023.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- UBND xã Gia Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Lã Hoàng Giáp